

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/DSPT

Ngày: 18-01-2018

*“V/v tranh chấp quyền
sử dụng đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Triệu Quốc Hiếu**

Các thẩm phán

Bà **Nguyễn Thị Tư**

Ông **Nguyễn Thành Đăng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lưu Thị Nhơn** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông **Nguyễn Văn Bé Tư** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2017/TLPT-DS ngày 26/4/2017 về *“Tranh chấp quyền sử dụng đất”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2017/DSST ngày 24/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện huyện TO bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 322/2017/QĐ - PT ngày 11/12/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: 1.1 Dương Thế D, sinh năm 1950

1.2 Nguyễn Thị H, sinh năm 1950 (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị H có bà Dương Kim N, sinh năm 1977 (theo văn bản ủy quyền ngày 19/12/2017)

Cùng trú tại: ấp TT, xã NB, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Võ Thị L, sinh năm 1964

Trú tại: ấp TT, xã NB, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền lợi của bà Võ Thị L có ông Trần Minh Đơ là luật gia thuộc Hội luật gia tỉnh Vĩnh Long.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Lê Trọng H, sinh năm 1982 (vắng mặt)

3.2 Lê Hữu P, sinh năm 1984 (vắng mặt)

3.3 Lê Tuấn H, sinh năm 1990 (vắng mặt)

3.4 Lưu Anh T, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của Lê Trọng H, Lê Hữu P, Lê Tuấn H, Lưu Anh T có bà Võ Thị L, sinh năm 1964.

Cùng trú tại: ấp TT, xã NB, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long.

(Theo các văn bản ủy quyền ngày 20/6/2017)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/7/2015, đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/11/2015 và các ý kiến của ông Dương Thế D và bà Nguyễn Thị H có nội dung:

Phần đất diện tích 464,4m², loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, thuộc thửa 41, tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp TT, xã NB, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long, do Ủy ban nhân dân huyện TO cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 497265 (vào sổ cấp GCN CH05629) cho ông Dương Thế D và bà Nguyễn Thị H ngày 22/6/2012. Nguồn gốc phần đất trên là của cha ông D (cụ Dương Văn C – chết năm 2006). Năm 1980 cụ C có cho bà Võ Thị L và gia đình ở nhờ tại phần đất trên. Đến năm 2013 do ông D và bà H có nhu cầu sử dụng phần đất trên, nên đã yêu cầu bà L cùng gia đình di dời nhà đi nơi khác, nhưng bà L không đồng ý. Nay ông D và bà H yêu cầu bà L cùng gia đình di dời nhà và các tài sản khác đi nơi khác, để giao lại phần đất trên. Ông D và bà H thừa nhận bà L và gia đình ngoài chỗ ở trên thì không còn chỗ ở nào khác.

Ý kiến của bà Võ Thị L:

Bà thừa nhận phần đất diện tích 464,4m², loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, thuộc thửa 41, tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp TT, xã NB, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long, có nguồn gốc là của cụ Dương Văn C. Năm 1980 cụ C đã cho bà cùng gia đình cất nhà ở tại phần đất trên và bà cùng gia đình đã sinh sống cho đến nay. Trong quá trình sử dụng đất, bà không có kê khai, đăng ký đối với phần đất trên. Và phần đất hiện do ông D và bà H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay đối với yêu cầu của ông Dương Thế D và bà Nguyễn Thị H, bà không đồng ý vì bà không còn chỗ ở nào khác.

Ý kiến của Lê Trọng H, Lê Hữu P, Lê Tuấn H và Lưu Anh T:

Thông nhất theo các ý kiến và yêu cầu của bà Võ Thị L.

Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2017/DSST, ngày 24/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện TO đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 166 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 100 và Điều 166 Luật Đất đai; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án, tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Dương Thế D và Nguyễn Thị H;

Buộc các đương sự bà Võ Thị L, anh Lê Trọng H, Lê Hữu P, Lê Tuấn H và chị Lưu Anh T có nghĩa vụ di dời căn nhà tạm mái lá, vách lá, cột kê, nền đất để trả lại cho ông Dương Thế D và bà Nguyễn Thị H quyền sử dụng đất thửa số 41, tờ bản đồ số 16, diện tích 464,4 m², loại đất ở và trồng cây lâu năm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số BI 497265 ngày 22/6/2012 do ông Dương Thế D và bà Nguyễn Thị H đứng tên tọa lạc ấp TT, xã NB, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long, có thông số kỹ thuật thể hiện tại trang 3 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (kèm theo bản án).

Ông Dương Thế D và bà Nguyễn Thị H có quyền sở hữu toàn bộ số cây bà Võ Thị L trồng trên phần đất thửa 41 trên và có nghĩa vụ bồi hoàn cho bà Võ Thị L giá trị cây trồng bằng 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Kể từ ngày bà Võ Thị L có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông D và bà H chưa thi hành số tiền trên thì phải trả lãi theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét hỗ trợ về nhà ở cho bị đơn Võ Thị L theo qui định của pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự và dành quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/4/2017 bà Võ Thị L có đơn kháng cáo yêu cầu được tiếp tục ở tại phần đất diện tích 464,4m², loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, thuộc thửa 41, tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp TT, xã NB, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long, do bà cùng gia đình hiện không còn chỗ ở nào khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Võ Thị L yêu cầu ông Dương Thế D và bà Nguyễn Thị H cho bà ở trên phần đất nằm trong phần đất diện tích 464,4m², loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, thuộc thửa 41, tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp TT, xã NB, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long.

* Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi cho bà Võ Thị L: Đối với yêu cầu của bà Võ Thị L và ý kiến của ông Dương Thế D, bà Dương Kim N, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L được ở trên phần đất mà ông D đã thống nhất giao cho bà L và cho bà L được mua lại lối đi.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Trình tự tố tụng: Thụ lý vụ án, quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Trình tự tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đối với yêu cầu của bà Võ Thị L được sử dụng phần đất diện tích là 222,0m²(trong đó 209,2m² dùng để cất nhà và 12,8m² là phần lối đi), nằm trong phần đất diện tích 627,9m², loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, thuộc thửa 41, tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp TT, xã NB, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long, là có cơ sở chấp nhận một phần, do ông Dương Thế D và bà Nguyễn Thị H đã thống nhất, nên chấp nhận yêu cầu của bà L và bà L phải hoàn lại giá trị phần đất trên cho ông D, bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành trình tự thụ lý, giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của ông Dương Thế D và bà Nguyễn Thị H đối với bà Võ Thị L đúng quy định của pháp luật.

Bà Võ Thị L kháng cáo bản án sơ thẩm và đơn kháng cáo, thủ tục kháng cáo còn trong thời hạn luật định.

Phần đất tranh chấp có diện tích 464,4m², loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, thuộc thửa 41, tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp TT, xã NB, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long, do Ủy ban nhân dân huyện TO cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 497265 (vào sổ cấp GCN CH05629) cho ông Dương Thế D và bà Nguyễn Thị H ngày 22/6/2012. Theo biên bản đo đạc hiện trạng ngày 17/7/2017 và trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 14/11/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long xác định: Phần đất tranh chấp có diện tích 627,9m², loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, thuộc thửa 41, tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp TT, xã NB, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long.

Ông Dương Thế D, bà Nguyễn Thị H và bà Võ Thị L thống nhất với kết quả đo đạc trên.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Đối với kháng cáo của bà Võ Thị L yêu cầu ông Dương Thế D và bà Nguyễn Thị H dành cho bà một phần đất để ở nằm trong phần đất diện tích 627,9m², loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, thuộc thửa 41, tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp TT, xã NB, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long, do bà L không còn chỗ ở nào khác.

Ông D và bà H đồng ý giao cho bà L phần đất diện tích 209,2m² nằm trong phần đất diện tích 627,9m², loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, thuộc thửa 41, tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp TT, xã NB, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long (theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 14/11/2017). Ông D, bà H thống nhất dành cho bà L một lối đi từ phần đất giao cho bà L ra đến đường đi công cộng, nhưng không đồng ý bán lối đi trên.

Bà L đồng ý nhận phần đất trên, nhưng xin mua lại lối đi để thuận tiện cho việc đi lại.

Xét yêu cầu của bà L yêu cầu ông D và bà H dành cho phần đất có diện tích là 222,0m² (trong đó 209,2m² dùng để cất nhà và 12,8m² là phần lối đi), nằm trong phần đất diện tích 627,9m², loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, thuộc thửa 41, tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp TT, xã NB, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long, là có cơ sở một phần vì ông D và bà H không đồng ý giao cho bà L phần đất lối đi, nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của bà L.

Do tại phiên tòa phúc thẩm, ông D và bà H không cung cấp được phần giá trị đất theo giá chuyển nhượng thị trường tại địa phương, và thống nhất giá đất theo biên bản khảo sát, đo đạc và định giá tài sản ngày 17/7/2017 (giá đất thổ là

170.000đ/m² và giá đất trồng cây lâu năm là 50.000đ/m²), nên Hội đồng xét xử căn cứ vào giá trị đất, cụ thể:

Trong 209,2m² giao cho bà L có 60m² loại đất ở nông thôn và 149,2m² loại đất trồng cây lâu năm:

- 60m² x 170.000đ/m² = 10.200.000đ

- 149,2m² x 50.000đ/m² = 7.460.000đ

Tổng cộng là 17.660.000đ (Mười bảy triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng)

Do chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà L, nên buộc ông D và bà H phải giao cho bà L phần đất có diện tích là 209,2m² (trong đó: 60m² là đất ở nông thôn, 149,2m² là đất trồng cây lâu năm), nằm trong phần đất diện tích 627,9m², loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, thuộc thửa 41, tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp TT, xã NB, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long. Bà L có nghĩa vụ hoàn lại giá trị phần đất trên cho ông D và bà H với số tiền là 17.660.000đ (Mười bảy triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng).

Bà L và gia đình bà L được quyền lưu cư 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Khi hết thời hạn lưu cư, bà L cùng gia đình bà L phải di dời tài sản, vật kiến trúc trên phần đất có diện tích 418,7m² còn lại của phần đất diện tích 627,9m², loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, thuộc thửa 41, tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp TT, xã NB, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long, để giao trả lại phần đất trên cho ông D và bà H.

Tại phiên tòa, bà L yêu cầu ông D và bà H hỗ trợ chi phí di dời là 30.000.000đ, ông D và bà H không đồng ý. Ông D và bà H chỉ đồng ý chi phí ngày công di dời là 150.000đ/ngày trong 15 ngày với số tiền là 2.250.000đ. Bà L không đồng ý. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét đến hoàn cảnh của bà L và gia đình, nên đối với phần nhà ở của bà L (mái lá, cột gỗ, vách lá, nền đất) nếu di dời sẽ bị hư hỏng, nên ông D và bà H phải có nghĩa vụ hoàn lại phần giá trị nhà cho bà L để tạo điều kiện cho bà L cất nhà mới, cụ thể số tiền là: 11.274.000đ (Mười một triệu hai trăm bảy mươi bốn ngàn đồng) (theo biên bản khảo sát, đo đạc và định giá tài sản ngày 17/7/2017).

Đối với phần giá trị cây trồng trên đất, bà L không đặt ra yêu cầu ông D và bà H bồi thường, nên không xem xét giải quyết.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông D và bà H dành cho bà L một lối đi, nên phần lối đi thể hiện tại các mốc: 20;B;21;22;16;17;18;C;19;20 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 14/11/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

[3] Đối với quan điểm của người bảo vệ quyền lợi cho bà L là có căn cứ một phần, nên chấp nhận.

[4] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nên chấp nhận.

[5] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí, chi phí tố tụng:

[6.1] Về án phí:

[6.1.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí sơ thẩm là 883.000đ. Ông D và bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 563.000đ.

[6.1.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L, nên bà L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6.2] Về chi phí tố tụng: Chi phí khảo sát đo đạc và định giá là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Bà L và ông D, bà H phải chịu. Bà L chịu 3.000.000đ, ông D và bà H chịu 2.000.000đ. Bà L đã nộp số tiền là 5.000.000đ, như vậy ông D và bà H phải hoàn trả lại cho bà L số tiền là 2.000.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Võ Thị L.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2017/DSST ngày 24/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện TO.

Căn cứ vào Điều 100, Điều 166, Điều 167, Điều 203 của Luật Đất đai;

Tuyên xử:

2. Buộc ông Dương Thế D và bà Nguyễn Thị H phải giao cho Võ Thị L phần đất có diện tích là 209,2m² (trong đó: 60m² là đất ở nông thôn, 149,2m² là đất trồng cây lâu năm), nằm trong phần đất diện tích 627,9m², loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, thuộc thửa 41, tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp TT, xã NB, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long, theo vị trí các mốc: 22;13;14;15;16;22 (kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 14/11/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long).

Bà L có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký phần đất trên theo quy định.

3. Buộc bà L phải hoàn trả lại giá trị đối với phần đất diện tích 209,2m², nằm trong phần đất diện tích 627,9m², loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, thuộc thửa 41, tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp TT, xã NB, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long, cho ông Dương Thế D và bà Nguyễn Thị H với số tiền là 17.660.000đ (Mười bảy triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Bà L và gia đình bà L được quyền lưu cư 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Khi hết thời hạn lưu cư, bà L cùng gia đình bà L phải có nghĩa

vụ di dời tất cả tài sản, vật kiến trúc ra khỏi phần đất còn lại thuộc thửa 41, tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp TT, xã NB, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long, để giao trả đất lại cho ông Dũng và bà H.

5. Buộc ông D và bà H phải có nghĩa vụ hoàn lại phần giá trị nhà cho bà L với số tiền là: 11.274.000đ (Mười một triệu hai trăm bảy mươi bốn ngàn đồng).

6. Đối với phần giá trị cây trồng trên đất, bà L không đặt ra yêu cầu ông D và bà H bồi thường, nên không xem xét giải quyết.

7. Ông D và bà H phải có nghĩa vụ cho bà L và gia đình bà L sử dụng lối đi thể hiện tại vị trí các mốc: 20;B;21;22;16;17;18;C;19;20 (kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 14/11/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long).

8. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

9. Về án phí, chi phí tố tụng:

9.1 Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

9.1.2 Án phí dân sự sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí sơ thẩm là 883.000đ (Tám trăm tám mươi ba ngàn đồng).

Ông D và bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 563.500đ (Năm trăm sáu mươi ba ngàn năm trăm đồng) (đã làm tròn), khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 2.205.000đ (Hai triệu hai trăm lẻ năm ngàn đồng) mà ông D và bà H đã nộp theo biên lai thu số: 0012576, ngày 15/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TO, như vậy ông D và bà H được nhận lại số tiền là 1.641.500đ (Một triệu sáu trăm bốn mươi một ngàn năm trăm đồng).

9.1.3 Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà L tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) theo lai thu số: 0013735 ngày 05/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TO.

9.2 Về chi phí tố tụng: Chi phí khảo sát đo đạc và định giá là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Bà L và ông D, bà H phải chịu. Bà L chịu 3.000.000đ (Ba triệu đồng), ông D và bà H chịu 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Bà L đã nộp số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng), như vậy ông D và bà H phải hoàn trả lại cho bà L số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Chánh án Tòa án tỉnh Vĩnh Long;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Tòa án nhân dân huyện TO;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện TO;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện TO;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

Triệu Quốc Hiếu